

Mapefill GP

Vữa đa dụng gốc xi măng không co ngót

PHẠM VI SỬ DỤNG

Dùng để đổ lên bề mặt cấu kiện bê tông đúc sẵn bị rỗ; trám vá lại các vết rỗ tổ ong trong bê tông; lấp kín các khe hở trong các cấu kiện bê tông đúc sẵn và trát vữa vào các tấm bệ và gối cầu.

Một số ứng dụng điển hình

- Neo các thiết bị cơ khí;
- Neo các thanh thép;
- Lấp các khe giữa kết cấu bê tông và bê tông đúc sẵn;
- Thi công móng cột ngầm;
- Thi công các phần bê tông chịu lực cao;
- Làm vữa neo cho bệ máy, gối cầu;
- Sửa chữa bê tông.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Mapefill GP là loại vữa dạng bột, trộn sẵn được cấu thành từ xi măng có cường độ cao, cốt liệu mịn với đường kính cỡ hạt là 1mm cùng với phụ gia đặc biệt chứa tác nhân giãn nở do phòng thí nghiệm của MAPEI nghiên cứu và phát triển.

Khi trộn **Mapefill GP** với nước sẽ tạo ra một loại vữa có độ chảy rất cao nhưng không bị phân tầng, do đó

có khả năng lấp vào các chỗ trống và các vị trí được liên kết với nhau.

Nhờ có các tác nhân giãn nở, **Mapefill GP** không bị co ngót ở giai đoạn ninh kết (theo ASTM C827) và giai đoạn đóng rắn, đồng thời giúp phát triển cường độ uốn và cường độ nén rất cao và sớm.

Mapefill GP còn có những tính chất sau:

- Khả năng chống thấm rất tốt;
- Khả năng bám dính rất tốt lên thép gai và bê tông;
- Khả năng chịu được tải trọng động rất tốt;
- Có module đàn hồi và hệ số giãn nở nhiệt tương đương với của bê tông chất lượng cao;
- **Mapefill GP** không chứa các thành phần cốt liệu kim loại;
- Không gây độc hại;
- Không gây ăn mòn;
- Không chứa clorua.

KHUYẾN CÁO

- Không được trộn thêm xi măng hay phụ gia nào vào sản phẩm **Mapefill GP**;
- Không cho thêm nước vào hỗn hợp khi vữa bắt đầu ninh kết;

Mapefill GP

- Không được dùng sản phẩm **Mapefill GP** nếu bao bì không còn nguyên vẹn;
- Không thi công sản phẩm trong điều kiện nhiệt độ thấp hơn +5°C.

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

Chuẩn bị bề mặt

- Loại bỏ toàn bộ phần bê tông kém chất lượng trên bề mặt;
- Đục bỏ phần vữa yếu, làm sạch hoàn toàn bụi bẩn, dầu mỡ, vụn vữa và nước xi măng trên bề mặt;
- Làm ẩm bề mặt và các cạnh của hố cần trám vữa bằng nước, chờ cho nước bay hơi hết trước khi rót vữa. Có thể dùng máy nén khí để thổi sạch nước còn đọng nếu cần thiết.

Trộn vữa

Đổ 80% lượng nước cần trộn vào trong thùng sạch (xem phần THÔNG SỐ THI CÔNG), đổ **Mapefill GP** vào từ từ và liên tục. Đổ thêm phần nước còn lại để đạt được hỗn hợp yêu cầu. Trộn trong vòng 1-2 phút, cào phần bột bị dính bên cạnh máy trộn xuống, sau đó trộn lại thêm 2-3 phút nữa cho đến khi đạt được hỗn hợp đồng nhất.

Tùy theo lượng vữa cần trộn để sử dụng loại máy trộn thích hợp. Có thể sử dụng máy trộn vữa hay máy trộn cơ học. Cần phải chú ý tránh sự tạo thành các bọt khí trong quá trình trộn.

Không được trộn bằng tay.

Thi công vữa (đổ vữa neo)

Đổ liên tục **Mapefill GP** vào từ một phía để tránh tạo bọt khí trong vữa.

Việc sử dụng sản phẩm **Mapefill GP** để liên kết các cấu kiện bê tông đúc sẵn và rót vào các khe cứng được khuyến cáo cho độ dày tối đa tới 6 cm. Công tác thi công này không cần đầm rung. Tại những nơi khó thi công, có thể sử dụng que gỗ hoặc thanh sắt để đầm.

Đổ vữa tại những khu vực thi công phức tạp

Để lấp các khoảng rộng có kích thước lớn hơn so các kích thước đã đề cập ở trên, nên tham khảo Bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của công ty.

Các lưu ý trước và sau khi thi công sản phẩm

- Ở nhiệt độ khoảng +20°C, thi công sản phẩm bình thường.
- Ở điều kiện thời tiết nóng không nên để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và dùng nước mát để trộn.

- Ở nhiệt độ thấp nên dùng nước có nhiệt độ +20°C để trộn sản phẩm.

- Sau khi đổ **Mapefill GP** cần phải bảo dưỡng. Bề mặt phần vữa tiếp xúc trực tiếp ngoài trời mất nước cần được bảo vệ tránh gây nứt gãy bề mặt do co ngót, đặc biệt ở điều kiện thời tiết nóng và/hoặc có gió.

- Phun nước để bảo dưỡng bề mặt tiếp xúc với không khí trong 24 tiếng đầu tiên hoặc sử dụng hợp chất chống bay hơi.

Vệ sinh

Cần rửa dụng cụ khi vữa chưa khô bằng nước sạch. Khi đã khô thì dùng biện pháp cơ học để làm sạch.

LƯỢNG DÙNG

Mỗi bao **Mapefill GP** 25 kg sau khi trộn sẽ tạo thành 13-14 lít vữa.

ĐÓNG GÓI

Mapefill GP được đóng gói trong bao 25 kg.

BẢO QUẢN

Sản phẩm được bảo quản tại những nơi khô ráo, thoáng mát trong bao bì còn nguyên vẹn.

HƯỚNG DẪN AN TOÀN CHUẨN BỊ VÀ THI CÔNG SẢN PHẨM

Mapefill GP là dạng vữa không gây độc hại. Tuy nhiên cần chú ý khi tiếp xúc với các sản phẩm hóa chất. Tham khảo thêm tờ hướng dẫn an toàn sản phẩm.

SẢN PHẨM CHUYÊN DỤNG.

CHÚ Ý

Những thông số kỹ thuật và hướng dẫn thi công sản phẩm trên đây được đúc kết từ những kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của Mapei. Vì vậy, trong mọi trường hợp, nên tuân thủ một cách nghiêm ngặt các hướng dẫn trong Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm. Nếu cần hỗ trợ bất kỳ thông tin nào, vui lòng liên lạc với Bộ phận kỹ thuật của Mapei để biết thêm chi tiết.

Chúng tôi có quyền cải tiến và thay đổi sản phẩm của mình bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo trước.

Phiên bản tiếng Việt được dịch lại dựa trên phiên bản tiếng Anh 461-4-2008.

Tất cả các tài liệu tham khảo về sản phẩm được cung cấp theo yêu cầu và ở trang web: www.mapei.com.vn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM (các giá trị tiêu biểu)

Phù hợp với các tiêu chuẩn sau:

- EN 196-1: 1995
- ASTM C939 - 97
- ASTM C940 - 98
- ASTM C827 - 97
- EN 1015-3, ASTM C 230

ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

Dạng sản phẩm:	Bột mịn
Màu sắc:	Xám
Kích thước tối đa của cốt liệu (mm):	1
Hàm lượng chất rắn khô (%):	100
Bảo quản:	12 tháng trong bao bì còn nguyên, để nơi khô ráo
Phân loại mức độ độc hại theo EC 1999/45:	Không. Trước khi sử dụng cần tham khảo "Hướng dẫn an toàn chuẩn bị và thi công sản phẩm", các thông tin trên bao bì và trong tài liệu an toàn sản phẩm

THÔNG SỐ THI CÔNG

Màu sắc hỗn hợp:	Xám
Tỷ lệ trộn: - Thi công bằng bay: - Thi công bằng bơm: - Thi công rót:	3,25-3,75 lít nước cho 25 kg Mapefill GP 3,75-4,25 lít nước cho 25 kg Mapefill GP 4,25-4,75 lít nước cho 25 kg Mapefill GP
Dạng vữa sau khi trộn:	Lỏng (sử dụng 19% nước)
Độ chảy (EN 1015-3 và ASTM C230):	280-300 mm
Trọng lượng riêng (kg/m ³):	2100-2300
Độ pH của hỗn hợp:	> 11,5
Nhiệt độ thi công:	Từ +5°C đến +40°C
Thời gian thi công:	60 phút

KẾT QUẢ KỸ THUẬT CUỐI CÙNG

Các đặc tính cơ học:	Các thí nghiệm về cường độ uốn và cường độ nén của vữa được thực hiện bằng mẫu 4x4x16, làm và bảo dưỡng mẫu theo tiêu chuẩn EN 196-1. Mẫu thí nghiệm về Mapefill GP được chuẩn bị sử dụng 19% lượng nước
Thời gian ninh kết ban đầu:	7 tiếng
Thời gian kết thúc ninh kết:	8 tiếng
Cường độ nén (MPa): - 1 ngày: - 7 ngày: - 28 ngày:	> 20 > 50 > 55
Cường độ uốn (MPa): - 1 ngày: - 7 ngày: - 28 ngày:	> 5 > 7 > 8
Độ tách nước (theo ASTM C940):	Không tách nước
Độ trương nở theo thể tích (%) (theo ASTM C827):	0 - 3

Mapefill GP



Công ty TNHH Mapei Việt Nam

Nhà máy: Lô 8, Đường số 4, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai
Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Tel: +84-510-3565801-7 Fax: +84-510-3565800

Email: mapeivn@mapei.com.vn - Website: www.mapei.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

31/178 Thái Hà, Q. Đống Đa

Tel: +84-4-3928 7924-6

Fax: +84-4-3824 8645

Email: mapeihn@mapei.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

162A Nguyễn Chí Thanh, Q. Hải Châu

Tel: +84-511-3565 001-4

Fax: +84-511-3562 976

Email: mapeidn@mapei.com.vn

Chi nhánh T.P Hồ Chí Minh

180/77 Nguyễn Hữu Cánh, Q. Bình Thạnh

Tel: +84-8 3512 1045/6/7-3899 2845

Fax: +84-8 3899 2842

Email: mapeihcm@mapei.com.vn

Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép bất hợp pháp nội dung và hình ảnh trong tài liệu này.

461-5-2016 (VN)